

Số: /BC-KTNS

Quảng Bình, ngày tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Thẩm tra các dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 19, HĐND tỉnh khóa XVIII

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, tại kỳ họp này Ban Kinh tế - Ngân sách được Thường trực HĐND tỉnh phân công chủ trì, phối hợp với các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra 06 báo cáo và 21 dự thảo nghị quyết:

1. Báo cáo tài chính Nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2023;
2. Báo cáo tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2023;
3. Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;
4. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;
5. Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025;
6. Báo cáo tình hình tổ chức, kết quả chỉ đạo, điều hành năm 2024, nhiệm vụ năm 2025 của UBND tỉnh (lĩnh vực kinh tế - ngân sách);
7. Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;
8. Nghị quyết phê chuẩn tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2023;
9. Nghị quyết bổ sung và điều chỉnh dự toán năm 2024;
10. Nghị quyết quy định quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh;
11. Nghị quyết của HĐND tỉnh về “Quy định chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2025”;
12. Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
13. Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025;
14. Nghị quyết Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình

trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình;

15. Nghị quyết về kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện các dự án đầu tư công (thuộc nguồn vốn ngân sách cấp huyện, xã quản lý);

16. Nghị quyết về điều chỉnh phương án phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển NSTW giai đoạn 2021-2025 và phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới;

17. Nghị quyết về phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Tăng cường sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu và cung cấp, quản lý nguồn nước sạch cho người dân vùng nông thôn tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình;

18. Nghị quyết về phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình;

19. Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, năm 2024 và phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý);

20. Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư đồng thời đáp ứng điều kiện loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa hoặc dự án phi lợi nhuận trên địa bàn tỉnh;

21. Nghị quyết quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

22. Nghị quyết thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Đồng Hới;

23. Nghị quyết thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thị xã Ba Đồn;

24. Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình

25. Nghị quyết thông qua Chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh;

26. Nghị quyết về thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

27. Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

Quá trình thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách đã làm việc với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh liên quan đến việc soạn thảo dự thảo Nghị quyết và có sự thống nhất điều chỉnh, bổ sung một số nội dung. Sau đây là kết quả thẩm tra:

I. Thẩm tra Báo cáo tình hình tổ chức, kết quả chỉ đạo, điều hành hoạt động năm 2024 và nhiệm vụ năm 2025 và Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025

Sau khi nghiên cứu Báo cáo số 411/BC-UBND ngày 03/12/2024 của UBND tỉnh về tình hình tổ chức, kết quả chỉ đạo, điều hành hoạt động năm 2024 và nhiệm vụ năm 2025; Báo cáo số 369/BC-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh về kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 và nhiệm vụ năm 2025 của UBND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với những đánh giá về kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và các nhiệm vụ, giải pháp trong thực hiện nhiệm vụ và nhân mạnh, làm rõ thêm một số nội dung sau:

1. Đánh giá những kết quả đạt được

Công tác chỉ đạo, điều hành: Để triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, UBND tỉnh đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Chính phủ và HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm liên quan đến lĩnh vực kinh tế ngân sách. Nhờ đó kinh tế tăng trưởng ổn định, sản xuất nông nghiệp đạt kết quả khá, sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng, du lịch đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận, các giải pháp cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được triển khai tích cực.... Đây là sự nỗ lực cố gắng lớn trong điều kiện còn gặp nhiều khó khăn, thách thức.

Tuy vậy, công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp, các ngành ở một số khâu, lĩnh vực vẫn còn hạn chế, có lúc chưa kịp thời, quyết liệt. Sự chủ động phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương còn thiếu thường xuyên, chặt chẽ. Tiến độ triển khai một số dự án trọng điểm còn chậm, việc thu hồi các dự án chậm tiến độ còn chưa quyết liệt, công tác giải phóng mặt bằng và triển khai thực hiện một số công trình, dự án vẫn còn vướng mắc, giải ngân vốn đầu tư công còn thấp, thu ngân sách thiếu bền vững.

Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được các cấp, các ngành trong tỉnh quan tâm triển khai thực hiện với nhiều chủ trương, giải pháp phù hợp, đạt được kết quả tích cực trên các lĩnh vực. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn thi hành được duy trì thường xuyên. UBND tỉnh đã tích cực chỉ đạo sở, ngành tập trung tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành 11 Nghị quyết (dự kiến thông qua một số Nghị quyết tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2024¹), UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền 21 quyết định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự

¹ Các dự thảo Nghị quyết như Nghị quyết hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước cộng đồng dân cư; Nghị quyết quy định về hỗ trợ tăng thêm tiền ăn cho học sinh học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho sinh viên, học sinh là người dân tộc thiểu số; Nghị quyết quy định quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công; Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, giai đoạn 2024 - 2025.

toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí NSNN được quan tâm, nâng cao hiệu quả sử dụng, hạn chế thất thoát, lãng phí². Các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí khác được thực hiện đồng bộ, nhất là trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và trang thiết bị làm việc của cơ quan Nhà nước; trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ và công trình phúc lợi công cộng; trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động khu vực Nhà nước; trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp. Công tác thanh tra, kiểm tra được triển khai kịp thời, qua thanh tra, kiểm tra đã kiến nghị thu hồi các khoản kinh phí sử dụng sai mục đích.

Tuy vậy, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí còn những hạn chế nhất định. Việc xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn chung chung. Việc phát hiện các vụ việc lãng phí trong quá trình tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, đơn vị vẫn còn hạn chế; hầu hết các vụ lãng phí, sai phạm về quản lý, sử dụng ngân sách,... được phát hiện là do quá trình kiểm toán nhà nước, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có chức năng. Nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm của người đứng đầu trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa cao. Một số chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán công trình, dự án không đúng khối lượng, áp dụng sai định mức, đơn giá và một số chính sách chế độ khác³.

2. Về nhiệm vụ năm 2025

Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục quan tâm thực hiện tốt các biện pháp, trong đó:

- Tiếp tục tuyên truyền, triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tập trung những giải pháp hữu hiệu để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên; tổ chức thực hiện tiết kiệm tối đa và cắt giảm những nhiệm vụ chưa thật sự cần thiết, lồng ghép, kết hợp các nhiệm vụ có liên quan; nâng cao hơn nữa trách nhiệm của người đứng đầu và xác định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và chế độ trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước, cập nhật kiểm kê, đánh giá và quản lý tốt tài sản công; có phương án sắp xếp hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả trụ sở làm việc dôi dư tại các đơn vị hành chính sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 đã được UBND tỉnh thông qua.

- Tiếp tục đẩy mạnh tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn, mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, qua đó góp phần nâng cao chất lượng công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong khu vực nhà nước.

² Đã xác định và cắt giảm tiết kiệm 10% chi thường xuyên tại các cơ quan, đơn vị, địa phương với số tiền 98.419 triệu đồng, trong đó: Ngân sách cấp huyện là 88.203 triệu đồng, khối Đảng, đoàn thể là 632 triệu đồng, khối cơ quan đơn vị cấp tỉnh: 9.584 triệu đồng. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định giao kế hoạch tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024, số tiền: 58.140 triệu đồng.

³ Thông qua công tác thẩm định, quyết toán công trình đã đề nghị xuất toán 1.660 triệu đồng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, tài nguyên thiên nhiên và các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước; kiên quyết xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có sai phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách còn lãng phí, không đúng chế độ chính sách, định mức, tiêu chuẩn, ... theo đúng quy định pháp luật.

- Đẩy mạnh phát triển các Khu công nghiệp, Khu kinh tế. Tích cực thu hút đầu tư; tập trung tháo gỡ vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án lớn có khả năng tăng thu ngân sách trên địa bàn. Tích cực chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung tăng thu ngân sách từ các khoản thu chiếm tỷ trọng lớn, khai thác các nguồn thu còn tiềm năng.

- Tập trung cho việc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển sản xuất. Chú trọng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất, chất lượng và giá trị của ngành nông nghiệp.

- Nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của phát triển du lịch. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án hạ tầng du lịch. Chú trọng công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.

- Nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, các chủ đầu tư trong việc sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách; nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án; giám sát thi công, nghiệm thu thanh toán vốn; giám sát chặt chẽ việc thực hiện vốn tạm ứng, bảo đảm sử dụng các nguồn vốn đúng mục đích, có hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn đầu tư.

II. Thẩm tra Báo cáo Tài chính Nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2023; Báo cáo của UBND tỉnh về tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2023 và dự thảo Nghị quyết phê chuẩn tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2023

Sau khi xem xét Báo cáo số 367/BC-UBND ngày 14/11/2024 về Tài chính Nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2023, Báo cáo số 386/BC-UBND ngày 22/11/2024 về tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2023, Tờ trình số 2225/TTr-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết phê chuẩn tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2023, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

- Báo cáo Tài chính nhà nước bao gồm 04 nội dung chính: (1) Báo cáo tài chính nhà nước; (2) Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước; (3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; (4) Thuyết minh báo cáo Tài chính nhà nước.

Báo cáo Tài chính Nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2023 được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn; đã cung cấp thông tin về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương, bao gồm: tài sản nhà nước; nợ công và các khoản phải trả khác của

Nhà nước; nguồn vốn của Nhà nước; tình hình thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động tài chính nhà nước; tình hình lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước làm căn cứ để đánh giá hiệu quả chi tiêu công, phân tích khả năng tài chính của địa phương, đánh giá hiệu quả thực hiện các cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách.

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với nội dung báo cáo của UBND tỉnh và có thêm ý kiến sau:

Đề nghị tích cực hơn nữa trong việc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện rà soát, theo dõi, hạch toán kế toán đầy đủ các tài sản là kết cấu hạ tầng theo đúng quy định tại Thông tư 76/2019/TT-BTC ngày 05/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi; Nghị định 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch để phản ánh đầy đủ, chính xác hơn.

- *Về quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023*: Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm phải quyết toán và được kiểm toán trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn. Hiện tại, Quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2023 đã được Kiểm toán Nhà nước thực hiện. Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách Nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2023 tại kỳ họp này là phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với nội dung báo cáo của UBND tỉnh và có thêm một số ý kiến sau:

Năm 2023 là năm giữa thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025, thu cân đối ngân sách được 5.669 tỷ đồng, chỉ đạt 81% dự toán địa phương giao. Toàn tỉnh huy động thu cân đối so với dự toán tỉnh giao 416.370 triệu đồng, ngân sách huyện, thị xã, thành phố huy động thu 172.581 triệu đồng. Có 8/16 khoản thu không đạt dự toán. Một số khoản thu đạt thấp so với dự toán như: thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 68 tỷ đồng, chỉ đạt 18%; thu tiền thuê đất 126 tỷ đồng, chỉ đạt 38%; thu tiền sử dụng đất là 2.066 tỷ đồng, đạt 69%; thuế bảo vệ môi trường 395 tỷ đồng, đạt 85%; thu lệ phí trước bạ 240 tỷ đồng, đạt 62%... Nợ thuế toàn tỉnh: 776,2 tỷ đồng, bằng 77% so với 31/12/2022, trong đó, nợ khó thu: 76,9 tỷ đồng, chiếm 10%.

Chi thường xuyên đạt 7.614 tỷ đồng, đạt 103% dự toán giao, tuy nhiên có một số khoản chi không đạt dự toán như: chi giáo dục đào tạo và dạy nghề 77%, chi sự nghiệp đảm bảo xã hội 66%, chi khác 9%. Đề nghị UBND tỉnh lưu ý trong các năm tới, cần phải xây dựng dự toán chi thường xuyên phù hợp, sát với tình hình thực tế để đảm bảo chi đúng như dự toán đề ra; phân bổ hết dự toán ngay từ đầu năm để triển khai thực hiện, hạn chế chuyển nguồn, hủy nguồn, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ dự toán trong năm.

Chi đầu tư phát triển đạt 165% dự toán. Tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp các Chương trình MTQG chỉ đạt 62%. Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục tăng cường các

giải pháp về giải ngân vốn đầu tư công, vốn các Chương trình MTQG, tăng hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn vốn.

Chi chuyển nguồn sang năm 2024 là 5.357,159 tỷ đồng, trong đó cấp tỉnh là 3.903,72 tỷ đồng là còn cao, nguyên nhân đã được giải trình trong Báo cáo. Đề nghị UBND tỉnh rà soát các nguyên nhân dẫn đến chi chuyển nguồn, đặc biệt là chuyển nguồn vốn đầu tư phát triển liên quan đến việc chậm giải ngân, xác định rõ trách nhiệm của các cấp, ngành liên quan để rút kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục nhằm hạn chế chuyển nguồn, tránh lãng phí ngân sách địa phương trong những năm tiếp theo.

Số kết dư ngân sách là 829.618 triệu đồng, trong đó, chủ yếu là kết dư ngân sách cấp tỉnh, số tiền 809.470 triệu đồng.

Nhằm rút kinh nghiệm trong công tác điều hành ngân sách, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương chấp hành nghiêm chỉnh Luật ngân sách Nhà nước; dự toán ngân sách địa phương hàng năm theo nghị quyết của HĐND tỉnh; thực hiện nghiêm túc những kiến nghị đã nêu trong kết luận của Kiểm toán Nhà nước và báo cáo kết quả với HĐND tỉnh theo quy định.

Sau khi xem xét, Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí và đề nghị HĐND tỉnh phê chuẩn tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2023 theo các số liệu như trong dự thảo Nghị quyết, cụ thể:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước: 22.746.757.736.558 đồng

Trong đó:

Thu ngân sách địa phương được hưởng: 21.538.556.470.025 đồng

2. Tổng chi ngân sách địa phương: 20.761.070.789.803 đồng

3. Thu vay ngân sách ngân sách địa phương: 111.567.289.730 đồng

4. Chi trả nợ gốc của ngân sách địa phương: 59.435.377.270 đồng

5. Kết dư ngân sách: 829.617.592.682 đồng

Trong đó:

+ Kết dư ngân sách cấp tỉnh: 809.469.689.424 đồng

+ Kết dư ngân sách cấp huyện: 1.251.311.256 đồng

+ Kết dư ngân sách cấp xã: 18.896.592.002 đồng.

III. Thẩm tra dự thảo nghị quyết bổ sung và điều chỉnh dự toán năm 2024

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2264/TTr-UBND ngày 27/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung dự toán năm 2024; căn cứ các quy định của pháp luật, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Ngày 13/11/2024 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 159/2024/QH về

dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, trong đó bổ sung dự toán vốn vay năm 2024 cho tỉnh Quảng Bình, số tiền: 94.234 triệu đồng; bổ sung dự toán viện trợ năm 2024 cho tỉnh Quảng Bình với 18.602 triệu đồng để giao bổ sung dự toán viện trợ năm 2024 cho Dự án “Cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình”. Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung kế hoạch vốn vay lại, vốn viện trợ trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn và phương án phân bổ ngân sách năm 2024 là cần thiết.

- Kinh phí thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 được giao cho các đơn vị, địa phương tại Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 và Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của HĐND tỉnh điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024. Để phù hợp với nhiệm vụ chi thực tế, việc điều chỉnh kinh phí chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024⁴ là phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 52, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015: “*Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách nhà nước và nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao, Ủy ban nhân dân các cấp lập dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định*”.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh nghị quyết bổ sung và điều chỉnh dự toán năm 2024 là cần thiết và đảm bảo các quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Nội dung chính của dự thảo nghị quyết là:

- Bổ sung kế hoạch vốn vay lại, vốn viện trợ năm 2024, số tiền 112.836 triệu đồng, gồm:

+ Tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW: 112.836 triệu đồng;

+ Tăng chi ngân sách địa phương: 112.836 triệu đồng (Trong đó: Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 94.234 triệu đồng, chi sự nghiệp 18.602 triệu đồng).

- Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024, số tiền 8.200 triệu đồng.

Qua xem xét, nhận thấy việc bổ sung, điều chỉnh dự toán năm 2024 là phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo quy định của pháp luật. Vì vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung và điều chỉnh dự toán năm 2024 như đề nghị của UBND tỉnh. Đồng thời, có thêm ý kiến: Do nguồn bổ sung, điều chỉnh dự toán thực hiện gần cuối năm nên đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị kịp thời triển khai để giải ngân hết nguồn vốn theo quy định của Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công.

⁴ từ kinh phí chưa thực hiện của các đơn vị sang thực hiện chi biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể có thành tích trong xây dựng nông thôn mới

IV. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2273/TTr-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; căn cứ Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP; các quy định pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa, như sau: *“Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này”*. Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa quy định của Chính phủ, tạo cơ sở pháp lý cho việc lập dự toán và quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật; tạo thuận lợi cho địa phương có nguồn lực đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đất trồng lúa, cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước, hỗ trợ tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong trồng lúa nước,... góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là cần thiết và đảm bảo thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Tại dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, phân cấp nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa và định mức phân bổ nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa (bao gồm: ngân sách trung ương hỗ trợ hàng năm và nguồn ngân sách tỉnh thu từ tiền bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn) để: Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa (sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm); Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa; Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã; Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

Nội dung trình cơ bản đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh thông qua như đề nghị của UBND tỉnh. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có hướng dẫn cụ thể cho chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức, cá nhân hộ gia đình trong việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ trồng lúa hàng năm nhằm đảm bảo mục tiêu và phát huy hiệu quả nguồn kinh phí hỗ trợ.

V. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về “Quy định chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2025”

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2325/TTr-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2024 - 2025, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Hiện nay, công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát đã được cấp ủy, chính quyền các cấp rất quan tâm và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Ngày 24/5/2024, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 34/CT-TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới; Thủ tướng Chính phủ⁵ đã chỉ đạo về đẩy mạnh thực hiện Phong trào thi đua “*Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025*”, trong đó đề ra mục tiêu “*Phấn đấu trong năm 2025 hoàn thành 03 nhiệm vụ: (i) Hỗ trợ nhà ở cho người có công; (ii) Hỗ trợ nhà ở cho người dân theo các chương trình mục tiêu quốc gia; (iii) Xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người dân ngoài 2 nhóm hỗ trợ trên.*”; Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết⁶ đề ra mục tiêu phấn đấu xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh trước tháng 10/2025.

Trên địa bàn tỉnh ta vẫn còn nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sinh sống trong những căn nhà tạm, nhà dột nát, không bảo đảm về chất lượng nhà ở theo quy định, không đảm bảo “3 cứng” (về nền, móng - khung, cột - mái nhà), không đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão, lũ lụt, ... Theo báo cáo của UBND tỉnh, đến tháng 11/2024, toàn tỉnh còn 2.154 hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sinh sống trong nhà tạm, nhà dột nát cần được hỗ trợ để cải thiện nhà ở đảm bảo an toàn, trong đó có 1.120 hộ cần hỗ trợ xây mới và 1.034 hộ cần hỗ trợ cải tạo, sửa chữa (*không bao gồm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ về nhà ở thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và*

⁵ Công điện số 102/CD-TTg ngày 06/10/2024 về đẩy mạnh triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước; Chỉ thị số 42/CT-TTg ngày 09/11/2024 về việc đẩy nhanh triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn cả nước; Công điện số 117/CD-TTg ngày 18/11/2024 về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước.

⁶ Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 21/11/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

miền núi giai đoạn 2021-2030; không bao gồm những hộ đã được hỗ trợ chính sách về nhà ở từ các Chương trình, Đề án khác đang được triển khai).

Do đó, việc UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết là rất cần thiết, thể hiện tính nhân văn, sự quan tâm trách nhiệm của tỉnh với đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo; phù hợp với quy định và chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Tại Tờ trình số 2325/TTr-UBND ngày 04/12/2024, UBND tỉnh làm rõ cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguồn lực thực hiện, ... Thường trực HĐND tỉnh đã chấp thuận xây dựng nghị quyết theo trình tự thủ tục rút gọn; dự thảo nghị quyết đã thực hiện lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương liên quan, thực hiện thẩm định, giải trình tiếp thu, ... Nội dung dự thảo Nghị quyết đã quy định cụ thể các nguyên tắc hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, thứ tự đối tượng ưu tiên khi thực hiện hỗ trợ và tiêu chuẩn, chất lượng nhà ở khi xây mới, cải tạo, sửa chữa, ... đảm bảo cho việc triển khai thực hiện trên thực tế.

Vì vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết như tờ trình của UBND tỉnh. Đồng thời có thêm ý kiến như sau:

- Sau khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục hoàn thiện và phê duyệt Đề án, kịp thời triển khai thực hiện; Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, các địa phương tiếp tục rà soát đối tượng để tránh bỏ sót, trùng lặp với các chính sách khác; cùng với đó sớm triển khai thực hiện chính sách xóa nhà tạm, nhà dột nát cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo các Chương trình MTQG, đề án đã được phê duyệt theo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁷, đảm bảo chính sách xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với các nhóm đối tượng khác nhau đồng thời được triển khai thực hiện, tránh để xảy ra dư luận, khiếu kiện.

- Phối hợp với UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội kêu gọi các tổ chức, cá nhân cùng chung tay, đóng góp nguồn lực (cùng với NSNN) để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh.

VI. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2285/TTr-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết xây dựng Nghị quyết

Thực hiện Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công, Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính

⁷ Tại Thông báo kết luận số 1380-TB/TU ngày 22/11/2024 của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 71.

hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 quy định nội dung và mức hỗ trợ khuyến khích phát triển công nghiệp và xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC. Theo đó, tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 64/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 Thông tư số 28/2018/TT-BTC quy định: *“Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”*. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 64/2024/TT-BTC quy định: *“Đối với nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến công địa phương đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định cho đến khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyết nghị về nội dung và mức chi hoạt động khuyến công địa phương, nhưng tối đa không quá niên độ ngân sách nhà nước năm 2024 và bảo đảm phù hợp quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định tại Thông tư này”*. Như vậy, theo Thông tư số 28/2018/TT-BTC thì UBND tỉnh có thẩm quyền quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công, hiện nay theo Thông tư số 64/2024/TT-BTC thẩm quyền này do HĐND tỉnh quy định; mặt khác quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công do UBND tỉnh ban hành hiện nay chỉ được thực hiện đến hết năm 2024.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Tại Tờ trình số 2285/TTr-UBND ngày 29/11/2024 và dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh làm rõ cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành nghị quyết, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, ... Thường trực HĐND tỉnh đã chấp thuận cho xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn. Về nội dung chi, mức chi tại dự thảo Nghị quyết đã phù hợp với quy định Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Thông tư số 28/2018/TT-BTC, điều kiện, tình hình thực hiện công tác khuyến công trên địa bàn tỉnh; theo đó nguồn kinh phí đảm bảo cho việc thực hiện Nghị quyết được bố trí cho giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm; đối với giai đoạn tiếp theo, sau khi Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết sẽ được cân đối tại Chương trình khuyến công tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

Vì vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết như tờ trình của UBND tỉnh. Sau khi dự thảo Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua, đề nghị UBND tỉnh thực hiện việc hủy bỏ Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 quy định nội dung và

mức hỗ trợ khuyến khích phát triển công nghiệp và xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh, theo đúng quy định của pháp luật.

VII. Thăm tra Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2024 và xây dựng dự toán NSNN năm 2025; dự thảo Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025

Sau khi nghiên cứu Báo cáo số 407/BC-UBND ngày 30/11/2024 về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, Báo cáo số 394/BC-UBND ngày 26/11/2024 về tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và xây dựng dự toán năm 2025; Tờ trình số 2234/TTr-UBND ngày 25/11/2024 về đề nghị thông qua Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025; Tờ trình số 2301/TTr- UBND ngày 02/12/2024 và dự thảo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của UBND tỉnh, liên quan đến lĩnh vực kinh tế và ngân sách, Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với những đánh giá trong các Báo cáo, những chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong dự thảo nghị quyết về thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và phân tích, nhấn mạnh, làm rõ thêm một số nội dung sau:

a) Về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024:

Triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, UBND tỉnh đã tích cực, chủ động triển khai các nhiệm vụ, giải pháp và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Các chỉ tiêu về kinh tế cơ bản đạt và vượt kế hoạch như: GRDP tăng 7,12% (KH 7 - 7,5%); Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,02% (KH 3,0 - 3,4%), giá trị sản xuất công nghiệp tăng 8,05% (KH 8,0 - 8,5%), giá trị sản xuất dịch vụ tăng 7,53% (KH 7,5 - 8,0%); tổng thu ngân sách 6.960 tỷ đồng (KH 6.100 - 6.300 tỷ đồng). Đi sâu đánh giá một số lĩnh vực cụ thể:

- *Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:* Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản ước đạt 10.376 tỷ đồng, tăng 3,02% so cùng kỳ; sản lượng lương thực đạt 32,2 vạn tấn, vượt 13,1% kế hoạch. Bên cạnh những kết quả đạt được thì: Sản xuất nông nghiệp chưa thực sự gắn với thị trường, khả năng cạnh tranh của sản phẩm còn thấp, việc dự báo, thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm đạt hiệu quả chưa cao. Cơ cấu lại nông nghiệp chưa mang lại hiệu quả rõ rệt. Sản xuất theo hướng hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ tuy đã hình thành nhưng quy mô nhỏ; chưa có nhiều vùng sản xuất tập trung. Cơ cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp tuy được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ. Chăn nuôi còn manh mún, nhỏ lẻ, tái đàn gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh phức tạp; việc phát triển chăn nuôi tập trung còn vướng mắc. Thu hút các Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn ít. Tình trạng khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép, lấn chiếm rừng và đất lâm

nghiệp vẫn còn xảy ra. Việc tháo gỡ thẻ vàng của EC đang gặp khó khăn, tình trạng vi phạm khai thác IUU vẫn còn xảy ra.

Xây dựng nông thôn mới tính bền vững chưa cao, còn có khoảng cách chênh lệch về kết quả xây dựng nông thôn mới, bên cạnh một số xã đã hoàn thành tiêu chuẩn nông thôn mới, chuyển sang giai đoạn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu thì một số xã khác đang có nhiều tiêu chí đạt thấp.

- *Sản xuất công nghiệp* tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 8,05% so với cùng kỳ. Tuy vậy, một số dự án công nghiệp lớn dự kiến đưa vào hoạt động nhưng chậm tiến độ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của ngành⁸; tiêu thủ công nghiệp quy mô còn nhỏ, năng suất, chất lượng sản phẩm còn hạn chế; sản xuất một số sản phẩm giảm so với năm trước⁹.

- *Hoạt động của các ngành dịch vụ* đã có những chuyển biến tích cực, giá trị sản xuất dịch vụ tăng 7,53%, vượt kế hoạch đề ra. Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 51.000 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2023. Lượng khách du lịch tăng cao. Tuy vậy, thời gian lưu trú ngắn, sản phẩm du lịch chưa phong phú, chất lượng phục vụ chưa cao.

- *Về thu ngân sách*: Tổng thu ngân sách tại địa bàn dự ước 6.962 tỷ đồng, đạt 114,09% so với dự toán địa phương giao, tăng 22,8% so với thực hiện năm 2023 (do thu từ xuất nhập khẩu tăng cao). Trong đó: Thu cân đối đạt 5.380 tỷ đồng, đạt 100,19% so dự toán địa phương giao, tăng 7,9% so với thực hiện 2023. Tuy nhiên:

Có 6/17 khoản thu không đạt dự toán, 4/17 khoản thu giảm so với cùng kỳ, trong đó: Thu tiền sử dụng đất, khoản thu chiếm tỷ trọng lớn, ước thực hiện 2.270 tỷ đồng, đạt 87,3% dự toán, hụt thu 330 tỷ đồng; Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN ước thực hiện 120 tỷ đồng, đạt 82,8% dự toán; thuế bảo vệ môi trường ước thực hiện 265 tỷ đồng bằng 84,1% dự toán, bằng 67% so với cùng kỳ... Có 2/8 huyện, thị xã, thành phố thu không đạt dự toán: Quảng Ninh (69%), Đồng Hới (84%). Đáng chú ý, nợ thuế tăng đột biến, ước đến 31/12/2024 có số nợ thuế là 2.631 tỷ đồng, bằng 37,7% so với số thu ngân sách trên địa bàn là quá cao so với quy định, trong đó tỷ lệ nợ khó thu chiếm tỷ trọng khá lớn. Đề nghị UBND tỉnh trong thời gian còn lại của năm 2024, cần tích cực chỉ đạo để phấn đấu tăng tỷ lệ các khoản thu ngân sách, đặc biệt là các khoản thu chưa đạt dự toán nói trên; đồng thời đẩy mạnh các giải pháp thu nợ thuế nhằm giảm số nợ thuế đang quá cao.

- *Về chi ngân sách*: Tổng chi cân đối ngân sách địa phương ước thực hiện 13.404 tỷ đồng, đạt 96% dự toán giao. Trong đó, chi thường xuyên đạt 8.647 tỷ đồng, bằng 117% dự toán địa phương giao; Chi đầu tư phát triển đạt 2.808 tỷ đồng, bằng 85% dự toán địa phương giao.

⁸ Nhà máy may công nghiệp QT Quảng Bình; dự án thủy điện La Trống; may Tun Power mở rộng; viên nén năng lượng Công ty TNHH Phát triển nguồn lực Dohwa.

⁹ Quặng titan đạt 46.277 tấn, giảm 11,5%; cao lanh đạt 65.455 tấn, giảm 14,6%; áo quần các loại (trừ áo sơ mi người lớn) đạt 4.229 nghìn cái, giảm 18,8%; dăm gỗ đạt 303.416 tấn, giảm 11,4%; kính cường lực đạt 2.808 tấn, giảm 2,0%; xi măng đạt 1.621.942 tấn, giảm 6,0%; điện gió đạt 463,1 triệu kwh, giảm 21,2%;...

Tỷ lệ giải ngân các Chương trình MTQG là 63%, đáng quan tâm là tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp các chương trình MTQG thấp¹⁰, nhiều nội dung đã bố trí kinh phí nhưng không có đối tượng hoặc hết nhiệm vụ chi.

Vẫn còn các khoản tạm ứng quá thời hạn, khó thu hồi là 24.924 triệu đồng; dư nợ Quỹ đầu tư địa phương là 85.682 triệu đồng.

- *Công tác xúc tiến và hỗ trợ đầu tư* đã được quan tâm hơn, đã thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, nhiều dự án được cấp phép đầu tư nhưng triển khai còn chậm so với cam kết. Kết quả thu hút đầu tư còn hạn chế; số dự án được hưởng các chính sách của tỉnh về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư còn ít.

- *Về tài nguyên và môi trường*: Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, tình trạng khai thác cát sạn trái phép vẫn còn xảy ra. Công tác quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường còn gặp khó khăn. Một số vụ việc về ô nhiễm môi trường vẫn còn xảy ra gây bức xúc cho Nhân dân; ý thức bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học còn hạn chế. Việc ký quỹ và công tác cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ một số doanh nghiệp thực hiện chưa nghiêm túc theo quy định của pháp luật. Việc ban hành bảng giá đất, tổ chức đấu giá đất còn chậm, công tác định giá đất còn gặp khó khăn. Việc phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn bất cập. Tại các KCN, KKT chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung gây khó khăn trong việc xử lý nước thải tập trung tại KCN, KKT.

b) Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025:

Năm 2025 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025. Trong điều kiện tỉnh ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức nên một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 được xây dựng bằng với kế hoạch năm 2024 và chưa đạt chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 đã đề ra như: Tốc độ tăng trưởng GRDP 7,0-7,5% (bằng năm 2024, thấp hơn KH 5 năm (8 - 8,5%)). Phân tích thêm về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025:

Tổng thu ngân sách năm 2025 trên địa bàn dự kiến là 6.937 tỷ đồng, bằng 113,7% dự toán 2024, giảm 0,4% so với thực hiện năm 2024 (thấp hơn nhiều so với KH 5 năm (9.000 tỷ đồng)). Trong đó, thu tiền sử dụng đất là 2.480 tỷ, tăng 9,3% so với ước thực hiện 2024; giảm 4,6% so với dự toán 2024. Một số khoản thu giao thấp hơn so với ước thực hiện 2024 như: Thu tiền thuê đất 42,9%, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 71,9%, thu khác ngân sách 85,6%, thu doanh nghiệp nhà nước địa phương 87,5%, thu phí, lệ phí 87,9%, thu xuất nhập khẩu 91,7%.

¹⁰ Tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp Chương trình giảm nghèo bền vững chỉ 23%; phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số 28%; xây dựng nông thôn mới 35%.

Về chi ngân sách: Tổng chi cân đối ngân sách địa phương là 14.378 tỷ đồng. Trong đó, chi XDDB là 3.146 tỷ đồng, bằng 102,1% dự toán 2024; chi thường xuyên là 10.877 tỷ đồng, bằng 125,8% so với dự toán 2024.

Phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025 cơ bản đã tuân thủ đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách tỉnh năm 2025, tuy nhiên tỷ trọng chi thường xuyên chiếm hơn 75,6% là quá cao trong cân đối chi ngân sách.

Để phấn đấu vượt kế hoạch đề ra và cố gắng tiệm cận với các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 đã đề ra, phấn đấu thu ngân sách vượt kế hoạch, đề nghị UBND tỉnh nỗ lực phấn đấu, có các giải pháp chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đột phá để hoàn thành đạt kết quả cao nhất các chỉ tiêu đề ra trong năm 2025.

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với các nhóm nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; các giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán ngân sách năm 2025 như dự thảo nghị quyết và Báo cáo của UBND tỉnh. Ngoài ra, đề nghị xem xét bổ sung thêm một số nội dung sau:

- *Về sản xuất nông nghiệp, lâm, ngư nghiệp*: Thực hiện có hiệu quả các chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa người nông dân với các doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số vào sản xuất nông nghiệp; phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nâng cao hiệu quả công tác khuyến công. Tăng cường công tác dự báo, tuyên truyền phổ biến, nâng cao ý thức của người dân về công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng. Tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp.

- *Về sản xuất công nghiệp*: Có biện pháp tháo gỡ khó khăn cho một số doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Bám sát tiến độ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án công nghiệp lớn đang triển khai, sớm đưa vào hoạt động. Có các giải pháp nâng cao chất lượng công tác kêu gọi, đẩy mạnh thu hút đầu tư, đặc biệt là các dự án phát triển công nghiệp chế biến, gắn với các lợi thế phát triển nguồn nguyên liệu nông, lâm, thủy sản.

- *Về thương mại dịch vụ*: Tập trung củng cố, duy trì và khai thác tốt các sản phẩm du lịch hiện có; tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng, nhân lực cho ngành du lịch; chú trọng công tác bảo vệ môi trường, cảnh quan, an ninh trật tự, văn hóa tại các điểm du lịch; đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông quảng bá với chiến lược hợp lý để hoạt động của ngành du lịch phát triển, tăng trưởng.

- *Về thu ngân sách*: Tăng cường khai thác các nguồn thu, nhất là các khoản thu có tỷ trọng lớn; đẩy mạnh các giải pháp thu đối với các nguồn thu bền vững, lâu dài như thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, thu từ xuất nhập khẩu. Tích cực tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển quỹ đất, các dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị đã được phê duyệt chủ trương đầu tư để tăng thu ngân sách trong năm 2025. Có các giải pháp hiệu quả giải quyết khó khăn, vướng

mắc trong xác định giá đất. Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp chống thất thu ngân sách và thu hồi nợ đọng thuế.

- *Về chi ngân sách*: Đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công. Tích cực thu hồi các khoản nợ tạm ứng xây dựng cơ bản, nợ vay quỹ đầu tư địa phương; có biện pháp quyết liệt hơn đối với các dự án đang dư nợ tạm ứng kéo dài; bố trí kế hoạch vốn để thu hồi vốn ứng trước. Bám sát tiến độ triển khai thực hiện các dự án, khả năng cân đối ngân sách để có phương án điều hành ngân sách phù hợp, đảm bảo triển khai có hiệu quả kế hoạch đầu tư công 2021 - 2025 trong điều kiện thu tiền sử dụng đất tiếp tục gặp khó khăn. Trong chi thường xuyên, rà soát lại các khoản chi thường xuyên, tiết kiệm tối đa, có phương án điều hành chi thường xuyên ngân sách đạt hiệu quả cao hơn. Nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước, các chủ đầu tư trong việc sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng; tăng cường đôn đốc giải ngân, thanh quyết toán công trình; thực hiện nghiêm việc xử lý trách nhiệm đối với các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan trong việc thực hiện dự án và giải ngân chậm vốn đầu tư công. Theo dõi sát tiến độ triển khai và giải ngân các dự án đầu tư trên địa bàn, chủ động hướng dẫn thực hiện cắt giảm, điều chuyển kế hoạch vốn đối với các dự án chậm tiến độ giải ngân; đôn đốc đẩy nhanh các thủ tục chuẩn bị đầu tư, tiến độ đấu thầu, thi công các dự án.

- *Về tài nguyên và môi trường*: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục rà soát tiến độ thực hiện các công trình, dự án đã được giao đất, cho thuê đất; đôn đốc các dự án nợ tiền thuê đất, sử dụng đất sai mục đích; kiên quyết thu hồi đất đối với các dự án đã quá thời hạn quy định nhưng triển khai chậm tiến độ. Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, cho thuê đất, định giá đất, giải phóng mặt bằng, tạo nhiều quỹ đất sạch để thu hút đầu tư.

VIII. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2267/TTr-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 24/10/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 138/2024/NĐ-CP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để

mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng. Theo đó:

- Tại điểm b khoản 2 Điều 5: *"Đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương: HĐND cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương."*

- Tại điểm b khoản 2 Điều 8: *"HĐND cấp tỉnh quyết định hoặc quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương"*.

Để phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và xu hướng cải cách thể chế; đảm bảo cơ sở pháp lý về thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm tài sản; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình năm 2025 và các năm tiếp theo, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình là cần thiết.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Nội dung chính của dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao hết toàn bộ thẩm quyền quyết định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định 138/2024/NĐ-CP cho UBND cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã theo hướng *"quy định thẩm quyền quyết định"* phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất như đề nghị của UBND tỉnh, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

IX. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện các dự án đầu tư công (thuộc nguồn vốn ngân sách cấp huyện, xã quản lý)

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2247/TTr-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh về kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện các dự án thuộc đầu tư công (nguồn vốn ngân sách cấp huyện, xã quản lý); căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019, các quy định liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo báo cáo của UBND các huyện, thành phố, do thị trường bất động sản trầm lắng, nguồn thu tiền sử dụng đất sụt giảm; không đảm bảo cân đối nguồn vốn để thực hiện các dự án dự án đầu tư công theo đúng quy định (thời gian bố trí vốn dự án nhóm C không quá 3 năm) và theo kế hoạch đã phê duyệt. Do vậy, cần thiết phải kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện các dự án.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công 2019: “*Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm.*

Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương”

Căn cứ các quy định và tình hình thực tiễn, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện các dự án đầu tư công (thuộc nguồn vốn ngân sách cấp huyện, xã quản lý) cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung trình dự thảo Nghị quyết

Tại Tờ trình số 2247/TTr-UBND ngày 26/11/2024, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định kéo dài thời gian bố trí vốn đối với 160 dự án, với tổng số vốn còn thiếu phải kéo dài thời gian bố trí vốn khoảng 380 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu là do không cân đối đủ nguồn vốn để thực hiện. Qua xem xét, nhận thấy việc kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tiễn. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết, đồng thời có thêm ý kiến sau:

Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND cấp huyện, cấp xã tiếp tục rà soát tiến độ thực hiện các dự án để trình cấp có thẩm quyền xem xét, kéo dài thời gian bố trí vốn đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.

X. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh phương án phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển NSTW giai đoạn 2021-2025 và phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2241/TTr-UBND ngày 25/11/2024 của UBND tỉnh về thông qua dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh phương án phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển NSTW giai đoạn 2021-2025 và phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới; căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019, các quy định liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 83 Luật Đầu tư công: *Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu; Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.*

Tại Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg quy định: “*Căn cứ tổng mức vốn được hỗ trợ từ ngân sách trung ương được cấp có thẩm quyền thông báo và điều kiện thực tế của từng tỉnh, Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn, phương án lồng ghép các nguồn vốn theo quy định để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định*”.

Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung trình dự thảo Nghị quyết

Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy:

- Nội dung chính của việc điều chỉnh phương án phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển NSTW giai đoạn 2021-2025 Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới là điều chỉnh giảm vốn từ “Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải Làng nghề chế biến bún, bánh mì xát Tân An, xã Quảng Thanh” số tiền 5.700 triệu đồng để bố trí kinh phí cho dự án mới: Nâng cấp, sửa chữa tuyến ống cấp nước sạch cho các xã Cảnh Dương và Quảng Châu. Theo báo cáo của UBND tỉnh, Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải Làng nghề chế biến bún, bánh mì xát Tân An, xã Quảng Thanh không thể triển khai thực hiện do không có quỹ đất phù hợp để bố trí trạm xử lý nước thải.

- Về Phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới như đề nghị của UBND tỉnh đã tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022.

Do vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định như đề nghị của UBND tỉnh. Đồng thời, có thêm ý kiến như sau:

+ Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường rút kinh nghiệm trong việc khảo sát, đề xuất dự án, tránh việc đề xuất dự án không khả thi dẫn đến phải điều chuyển vốn sang dự án khác và một phần vốn phải trả về Ngân sách trung ương.

+ Đối với dự án Nâng cấp, sửa chữa tuyến ống cấp nước sạch cho các xã Cảnh Dương và Quảng Châu: Đề nghị Chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thủ tục sớm triển khai thực hiện dự án, đảm bảo giải ngân hết nguồn vốn đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công.

XI. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Tăng cường sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu và cung cấp, quản lý nguồn nước sạch cho người dân vùng nông thôn tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2243/TTr-UBND ngày 25/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết; căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019, các quy định liên quan và tình hình thực tế, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo báo cáo của UBND tỉnh, Dự án do Quỹ đặc biệt Hợp tác Mê Công – Lan Thương viện trợ không hoàn lại năm 2024, đã được phía Trung Quốc lựa chọn và đề nghị phía Việt Nam ký thỏa thuận viện trợ tại Công hàm số 154/2024 ngày 29/5/2024 với số vốn 2.879.800 NDT tương đương 400.000 USD. Việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án là cần thiết nhằm hoàn thiện các thủ tục để trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan.

Theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 1, của Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và khoản 2, khoản 5, khoản 8, Điều 1 Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, HĐND tỉnh có thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung trình dự thảo Nghị quyết

Tại Tờ trình số 2243/TTr-UBND ngày 25/11/2024, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tăng cường sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu và cung cấp, quản lý nguồn nước sạch cho người dân vùng nông thôn tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Qua nghiên cứu, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy: Việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án là cần thiết. Nội dung đề xuất chủ trương đầu tư Dự án bao gồm: Mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư; tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư; địa điểm và thời gian thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định của Luật đầu tư công năm 2019.

Nguồn vốn và khả năng cân đối với cho dự án đảm bảo, cụ thể: **(i)** Đối với nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại được bố trí từ Quỹ LMC của Chính phủ Trung Quốc, cụ thể: Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam đã Công hàm số 154/2024 ngày 29/5/2024 của Thông báo về việc phía Trung Quốc đã lựa chọn và đề nghị ký thỏa thuận viện trợ từ Quỹ đặc biệt hợp tác Mê Công - Lan Thương năm 2024; **(ii)** Nguồn vốn đối ứng trong nước được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Đồng thời, có thêm ý kiến sau:

Đối với việc tạo sinh kế cho người dân nuôi cá nước ngọt trên hồ chứa nước Cẩm Ly: Đây là hồ chứa cung cấp nguồn nước sạch cho 5 xã vùng phía Tây huyện Lệ Thủy. Do vậy, trong quá trình triển khai thực hiện dự án, đề nghị Chủ đầu tư, các cơ quan, đơn vị liên quan lưu ý các biện pháp bảo vệ, đảm bảo môi trường hồ chứa và các quy chuẩn về cung cấp nước sinh hoạt.

XII. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2242/TTr-UBND ngày 25/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết; căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019, các quy định liên quan và tình hình thực tế, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo báo cáo của UBND tỉnh, hiện nay, Dự án gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do thiếu kinh phí để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và di dời, tái định cư với số hộ dân lớn. Do vậy, để đảm bảo tiến độ thực hiện Dự án, cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, bổ sung nguồn vốn để thực hiện Dự án.

Theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 1 và khoản 1, Điều 11 của Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, HĐND tỉnh có thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Mặt khác, Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 14, Khoản 4 Điều 19 Nghị định 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 và Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023, UBND tỉnh đã báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về chủ trương điều chỉnh dự án và đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho ý kiến tại các văn bản số 4391/BKHĐT-KTĐN ngày 12/6/2023, văn bản số 6814/BKHĐT-KTĐN ngày 26/8/2024, văn bản số 9381/BKHĐT-KTĐN ngày 14/11/2024; Bộ Tài chính cho ý kiến tại các văn bản số 8571/BTC-QLN ngày 11/8/2023 và văn bản số 8809/BTC-QLN ngày 21/8/2024. Do điều kiện thời gian kết thúc dự án vào 30/9/2025, nên cần thiết phải cân đối nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án để kịp triển khai các bước tiếp theo. Vấn đề này đã Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến tại Văn bản số 1431-TB/TU ngày 04/12/2024.

Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Tại Tờ trình số 2242/TTr-UBND ngày 25/11/2024, UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án từ 43,29 triệu USD, tương đương 974,025 tỷ đồng lên 49,96 triệu USD, tương đương 1.124,025 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn ODA: 31,75 triệu USD (không thay đổi); Vốn đối ứng tăng từ 11,54 triệu USD tương đương 259,65 tỷ đồng lên 18,21 triệu USD, tương đương 409,65 tỷ đồng (tăng 150 tỷ đồng).

- Nguồn vốn đối ứng tăng thêm 150 tỷ đồng sẽ được cân đối bố trí từ nguồn đầu tư công trung hạn 2021-2025 là 100 tỷ đồng; số còn lại 50 tỷ đồng thực hiện ghi chi chi phí giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền sử dụng đất tái định cư của Dự án.

Qua thẩm tra thấy rằng:

- Việc điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư Dự án là cần thiết nhằm bổ sung kinh phí để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về giải phóng mặt bằng, thực hiện tái định cư cho người dân thuộc phạm vi ảnh hưởng của Dự án.

- Về phần vốn đối ứng tăng thêm dự kiến sẽ cân đối bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 (Nguồn vốn đối ứng các dự án ODA) đã được Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý; Số tiền đối ứng thực hiện ghi chi chi phí giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền sử dụng đất tái định cư của Dự án đã được UBND tỉnh, các huyện, thành phố thống nhất chủ trương. Như vậy, là đảm bảo tính khả thi về nguồn vốn đối ứng tăng thêm trong tổng mức đầu tư dự án sau khi được điều chỉnh.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, đồng thời, đề nghị chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án, đảm bảo hoàn thành dự án theo tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc giải ngân các nguồn vốn của dự án.

XIII. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, năm 2024 và phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, năm 2024 và phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý); căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019, các quy định liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025, năm 2024: Trong quá trình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025, năm 2024, có một số dự án đã hoàn thành nghiệm thu, quyết toán còn thừa vốn; một số nguồn vốn chưa triển khai hết.

Trong khi đó, một số dự án có tiến độ giải ngân tốt cần bổ sung thêm vốn; một

số dự án ODA đã hoàn thành thủ tục, đủ điều kiện bố trí vốn để thực hiện/tiếp tục thực hiện. Mặt khác, cần thiết phải bổ sung vốn dự phòng đầu tư công (dự phòng trong trường hợp dự kiến hụt thu tiền đất năm 2025 và nguồn vốn ngân sách tập trung Thủ tướng Chính phủ giao thấp) để bù vào nguồn vốn bị hụt nhằm đảm bảo cân đối kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn. Do vậy, cần điều chỉnh điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025, năm 2024.

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 7, Điều 67 về thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách địa phương trong trường hợp: *“Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương”*.

- Về phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý): Theo quy định tại Khoản 3, Điều 83 của Luật Đầu tư công, HĐND tỉnh có thẩm quyền quyết định kế hoạch đầu tư công hàng năm ngân sách địa phương. Việc ban hành nghị quyết là rất cần thiết nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2025 và cả giai đoạn 2021 - 2025.

Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

2.1. Về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 và năm 2024

Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 và năm 2024 theo hướng điều chỉnh giảm một số nguồn vốn chưa triển khai hết, vốn còn dư từ các dự án đã hoàn thành nghiệm thu, quyết toán sang cho các dự án có tiến độ giải ngân tốt cần bổ sung thêm vốn, các dự án ODA đã hoàn thành thủ tục, đủ điều kiện bố trí vốn để thực hiện và bổ sung vốn dự phòng đầu tư công trung hạn là rất cần thiết. Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí trình HĐND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công như đề nghị của UBND tỉnh.

Đối với “Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ” số tiền 43 tỷ đồng: Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thủ tục để sớm trình cấp có thẩm quyền phân bổ theo quy định.

2.2. Về phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)

Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy, kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh cơ bản tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

Phương án bố trí vốn đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức theo quy

định, cụ thể, ưu tiên bố trí vốn theo thứ tự: phân bổ đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành đã quyết toán; thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản; các dự án dự kiến hoàn thành trong năm kế hoạch; bố trí cho các dự án trọng điểm; đối ứng cho các chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh; các dự án chuyển tiếp; thực hiện nhiệm vụ quy hoạch và chuẩn bị đầu tư; thực hiện thực hiện các chương trình đầu tư, hỗ trợ đầu tư của tỉnh; dự án khởi công mới.

Tuy nhiên, trong năm 2025, dự kiến nguồn ngân sách tập trung do Trung ương giao, nguồn thu sử dụng đất và nguồn thu kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu giảm, do đó, nguồn vốn tỉnh phân bổ năm 2025 dự kiến thấp hơn so với nhu cầu còn lại của Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là **763.860** triệu đồng (Số dự kiến phân bổ năm 2025: 1.081.286 triệu đồng; Kế hoạch 2025 theo nhu cầu trung hạn: 1.845.146 triệu đồng). Do vậy, UBND tỉnh đã đề xuất:

- Đối với các nguồn vốn: Cắt giảm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 so với nhu cầu vốn còn lại của trung hạn để đảm bảo cân đối nguồn ưu tiên bố trí cho các dự án trọng điểm, hoàn thành, đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ.

- Đối với các dự án khởi công năm 2023, hoàn thành năm 2025: Về nguyên tắc các dự án hoàn thành năm 2025 sẽ bố trí đủ 100% kế hoạch vốn còn lại tuy nhiên do nguồn vốn giảm nên đề xuất bố trí đủ 100% cho các dự án có số vốn còn lại của năm 2025 dưới 10 tỷ đồng. Đối với các dự án có kế hoạch vốn còn lại năm 2025 trên 10 tỷ đồng, đề nghị bố trí 50% của năm 2025 và kéo qua sang năm 2026 tiếp tục bố trí 50% số vốn còn lại.

- Đối với các dự án khởi công năm 2024, hoàn thành năm 2025 hoặc 2026

- + Đối với các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục: Khởi công năm 2024, hoàn thành năm 2025: Bố trí đủ 100% để đảm bảo tiêu chí đề ra của Đại hội Đảng

- + Đối với các dự án Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá Bắc Gianh (Hỗ trợ đền bù GPMB): Đề nghị bố trí đủ 100% để GPMB tạo điều kiện để khởi công sớm dự án.

- + Đối với Dự án Trung tâm truyền thông - Giáo dục sức khỏe tỉnh Quảng Bình đề nghị bố trí đủ 100% để đưa dự án vào hoạt động.

- + Đối với các dự án còn lại đề nghị xem xét bố trí đến năm 2025 đạt 40-50% tổng mức đầu tư dự án. Số vốn còn lại dự kiến chuyển sang năm 2026.

Theo báo cáo của UBND tỉnh, dự kiến số vốn chuyển sang năm 2026 của các dự án khoảng 680.000 triệu đồng, đảm bảo không quá 20% theo quy định tại khoản 2, Điều 89 Luật Đầu tư công.

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết như đề nghị của UBND tỉnh; đồng thời đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện một số nội dung như sau:

- Dự kiến số phân bổ năm 2025 thấp hơn so với nhu cầu còn lại của Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: Do vậy, trong quá trình

điều hành ngân sách năm 2025, căn cứ tình hình thực tế các nguồn thu:

+ Nếu trong trường hợp tăng thu so với dự kiến, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

+ Trong trường hợp hụt thu, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu cấp trình có thẩm quyền phương án điều chỉnh trung hạn và kéo dài thời gian bố trí vốn các dự án để đảm bảo cân đối vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn theo số thu thực tế.

- Đối với dự án khởi công mới: Đặc biệt là các dự án hoàn thành trong năm 2025, được phân bổ số vốn khá lớn, như: Đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã (56 xã) thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (70 tỷ đồng); Đầu tư xây dựng khoa Ung bướu - Xạ trị, Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới (26,210 tỷ đồng); các dự án ngành giáo dục (49,297 tỷ đồng);... Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo giải ngân hết số kế hoạch vốn năm 2025 đã được giao.

XIV. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư đồng thời đáp ứng điều kiện loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa hoặc dự án phi lợi nhuận trên địa bàn tỉnh

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2323/TTr-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư đồng thời đáp ứng điều kiện loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa hoặc dự án phi lợi nhuận trên địa bàn tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định:

“Điều 157. Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan, trừ trường hợp sử dụng đất xây dựng nhà ở thương mại, sử dụng đất thương mại, dịch vụ;”

Khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, như sau: *“Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu*

đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận.

Chế độ ưu đãi được quy định theo nguyên tắc: mức tối đa là miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê, mức tối thiểu bằng mức ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định này. Người sử dụng đất không được tính tiền thuê đất được miễn vào giá thành sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho xã hội.”

Theo báo cáo của UBND tỉnh, hiện nay, các dự án sử dụng đất để đầu tư các dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh đang áp dụng chế độ miễn, giảm tiền thuê đất theo Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian qua, việc thực hiện chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án xã hội hóa đã thu hút được nhiều tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực này, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, tạo ra cơ hội việc làm cho nguồn lao động, ... Tuy nhiên, Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND được ban hành trên cơ sở căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/8/2024, nên không còn phù hợp để áp dụng.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết là cần thiết, có cơ sở và nhằm sớm triển khai thi hành Luật Đất đai 2024 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ¹¹.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Tại Tờ trình số 2323/TTr-UBND ngày 04/12/2024 và dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh làm rõ cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành nghị quyết, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, ... Về thời hạn, mức miễn tiền thuê đất, theo điểm g khoản 3 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định: “g) *Miễn tiền thuê đất đối với các dự án quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định này theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.*”, quy định về thời hạn, mức miễn tiền thuê đất tại dự thảo Nghị quyết đã đảm bảo quy định của pháp luật, góp phần thu hút đầu tư đối với các dự án xã hội hóa. Bên cạnh đó, việc quy định thời hạn có hiệu lực của Nghị quyết đến ngày 31/12/2035 (hoặc đến khi được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ) tạo tâm lý yên tâm cho nhà đầu tư đối với các dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh.

Vì vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết như đề nghị của UBND tỉnh. Sau khi dự thảo Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua, đề nghị UBND tỉnh thực hiện việc hủy bỏ Quyết định 11/2023/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh, theo đúng quy định của pháp luật.

¹¹ Công điện số 109/CĐ-TTg ngày 22/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tập trung chỉ đạo, triển khai thi hành Luật Đất đai 2024

XV. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2133/TTr-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; căn cứ Luật Đất đai năm 2024; các quy định pháp luật có liên quan khác và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai năm 2024:

Dự án quy định tại khoản 27 Điều 79 của Luật này mà được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Tại Khoản 27, Điều 79 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “Thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng để xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang đô thị; dự án khu dân cư nông thôn”.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Thường trực HĐND tỉnh đã có các văn bản: Công văn số 108/TTHĐND-VP ngày 10/5/2024 về việc ban hành Danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết Luật Đất đai năm 2024; Công văn số 197/TTHĐND-VP ngày 04/9/2024 về việc cho ý kiến xây dựng Nghị quyết quy định các tiêu chí dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

Trong thời gian qua, việc lựa chọn dự án để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư chủ yếu thông qua xem xét quy hoạch, hiện trạng, điều kiện của một số dự án tiềm năng,... mà chưa có các tiêu chí cụ thể để lựa chọn...

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Nội dung UBND tỉnh trình, đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã đảm bảo cơ sở pháp lý; các nội dung về phạm vi, đối tượng áp dụng, các tiêu chí thực hiện và quy định chuyển tiếp cơ bản đảm bảo và phù hợp với thực tiễn tại địa phương. Việc xây dựng

ng nghị quyết nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai năm 2024; làm cơ sở pháp lý để xây dựng danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trình HĐND tỉnh thông qua trước khi tiến hành công bố, lập chủ trương đầu tư, tiến hành lựa chọn nhà đầu tư.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết như đề nghị của UBND tỉnh. Sau khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để địa phương, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện được thuận lợi.

XVI. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Đồng Hới

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2346/TTr-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Đồng Hới; căn cứ Luật Kiến trúc năm 2019, Luật Xây dựng năm 2014, Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và (các luật sửa đổi bổ sung); căn cứ các quy định pháp luật có liên quan khác và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định Tại khoản 4 Điều 14 Luật Kiến trúc thì: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế quản lý kiến trúc và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi ban hành...*”.

Việc lập Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Đồng Hới là rất cần thiết, nhằm quản lý cảnh quan đô thị, kiến trúc các công trình xây dựng theo quy hoạch đô thị được duyệt; kiểm soát việc xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang đô thị theo định hướng phát triển kiến trúc, bảo vệ cảnh quan, bản sắc văn hóa dân tộc, đặc trưng kiến trúc của thành phố Đồng Hới; cụ thể hóa các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch, kiến trúc và xây dựng để quản lý kiến trúc đô thị phù hợp với điều kiện thực tế của của thành phố Đồng Hới.

Do đó, việc UBND tỉnh trình Nghị quyết thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Đồng Hới là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Quá trình xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc Thành phố Đồng Hới và Dự thảo Nghị quyết; UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu thực hiện đảm bảo theo đúng quy trình, trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các nội dung đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa phù hợp, đảm bảo để HĐND tỉnh thông qua và cơ quan chức năng tổ chức thực hiện Quy chế quản lý kiến trúc Thành phố Đồng Hới.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết như đề nghị của UBND tỉnh.

XVII. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thị xã Ba Đồn

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2345/TTr-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thị xã Ba Đồn; căn cứ Luật Kiến trúc năm 2019, Luật Xây dựng năm 2014, Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và (các luật sửa đổi bổ sung); căn cứ các quy định pháp luật có liên quan khác và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định Tại khoản 4 Điều 14 Luật Kiến trúc thì: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế quản lý kiến trúc và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi ban hành...;”.

Việc lập Quy chế quản lý kiến trúc thị xã Ba Đồn nhằm quản lý cảnh quan đô thị, kiến trúc các công trình xây dựng theo quy hoạch đô thị được duyệt, kiểm soát việc xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang đô thị theo định hướng phát triển kiến trúc, bảo vệ cảnh quan, bản sắc văn hóa dân tộc, đặc trưng kiến trúc của thị xã Ba Đồn; cụ thể hóa các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch, kiến trúc và xây dựng để quản lý kiến trúc đô thị phù hợp với điều kiện thực tế của thị xã Ba Đồn.

Do đó, việc UBND tỉnh trình Nghị quyết thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thị xã Ba Đồn là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Quá trình xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc Thị xã Ba Đồn và Dự thảo Nghị quyết; UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu thực hiện đảm bảo theo đúng quy trình, trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các nội dung đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa phù hợp, đảm bảo để HĐND tỉnh thông qua và cơ quan chức năng tổ chức thực hiện Quy chế quản lý kiến trúc Thị xã Ba Đồn.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết như đề nghị của UBND tỉnh.

XVIII. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2266/TTr-UBND ngày 27/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 thông qua Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2040; Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết số 68/2024/NQ-

HĐND ngày 29/3/2024 quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Quảng Bình quản lý. Hiện nay, các quy định của pháp luật làm căn cứ để ban hành 3 Nghị quyết trên đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, cụ thể:

- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 làm căn cứ ban hành Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung bằng Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch. Theo đó, khoản 5 Điều 10 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch quy định: *“5. Thay thế cụm từ “quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” bằng cụm từ “nội dung bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh” ...”*; nội dung bảo tồn đa dạng sinh học đã được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023.

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa làm căn cứ ban hành Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa. Theo đó, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP quy định: UBND tỉnh có thẩm quyền quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; do đó thẩm quyền ban hành, tên gọi khoản tiền phải nộp khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND không phù hợp với quy định Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Tại khoản 6 Điều 110 Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn quản lý thuộc phạm vi được phân quyền nhưng không được vượt quá giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.”*. Tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định: *“Về hình thức văn bản định giá hoặc điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật Giá”*. Tại khoản 1 Điều 24 Luật Giá năm 2023 quy định: *“Văn bản định giá hoặc điều chỉnh mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá ban hành là văn bản hành chính...”*. Thực hiện các quy định trên, UBND tỉnh đang trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh quản lý (bằng hình thức văn bản hành chính) tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2024, nên cần ban hành nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 68/2024/NQ-HĐND.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 68/2024/NQ-HĐND do không còn phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành là cần thiết, đúng quy định, đảm bảo thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành và quy định về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Tại Tờ trình số 2266/TTr-UBND ngày 27/11/2024 và dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đã nêu rõ sự cần thiết, cơ sở pháp lý, mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình như đề nghị của UBND tỉnh.

XIX. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2250/TTr-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; căn cứ Luật Đất đai năm 2024; các quy định pháp luật có liên quan khác và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện.”.

Việc quy định chính sách của tỉnh về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn nhằm đảm bảo đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đất đai để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương là rất cần thiết.

Ngày 10/5/2024 Thường trực HĐND tỉnh đã có Công văn số 108/TTHĐND-VP về việc ban hành Danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết Luật Đất đai năm 2024”, trong đó: “Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, nghiên cứu để tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ của tỉnh về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024...”. Trước khi xây dựng dự thảo Nghị quyết, Thường trực HĐND tỉnh cũng đã có ý kiến nhất trí đối với UBND tỉnh về đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật nêu trên.

Do đó, việc UBND tỉnh trình Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm cụ thể hóa quy định của Khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024. Quá trình xây dựng đã đảm bảo quy trình theo trình tự thủ tục về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Các nội dung Nghị quyết đảm bảo bố cục, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, mục đích, quan điểm xây dựng, phạm vi, đối tượng, dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện; từng bước đảm bảo chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Bình theo quy định của Luật Đất đai 2024.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết như đề nghị của UBND tỉnh. Đồng thời đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các huyện, thị xã có hướng dẫn cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào dân tộc dễ dàng tiếp cận chính sách đất đai để phục vụ nhu cầu về sản xuất và sinh kế để ổn định cuộc sống lâu dài của bà con.

XX. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2251/TTr-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; căn cứ Luật Đất đai năm 2024; các quy định pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 thì: HĐND các cấp thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu về đất đai¹² thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng của địa phương; thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo thẩm quyền quy định tại Điều 72, Điều 78, Điều 79 và Điều 122 Luật Đất đai.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 là phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các dự án, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Quá trình thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan soạn thảo nghị quyết rà soát, kết hợp khảo sát thực tế hiện trường tại một số dự án; thống nhất đề nghị đưa vào danh mục các dự án có nhu cầu, đảm bảo cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn.

¹² Tại Khoản 2 Điều 14- Luật Đất đai

Tại nội dung trình, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thông qua kế hoạch thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất năm 2025 là 528 công trình, dự án (bao gồm: 306 công trình, dự án thu hồi đất đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất; 134 dự án chỉ thu hồi đất và 134 dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất), cụ thể như sau:

1. Số dự án mới đề nghị thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025: 103 dự án (*chi tiết theo phụ lục 1*).

2. Số dự án chuyển tiếp đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2024: 143 dự án (*chi tiết theo phụ lục 2*).

3. Số dự án đã được HĐND tỉnh thông qua sau 2 năm nhưng chưa thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được rà soát, đánh giá và đề nghị tiếp tục thực hiện: 282 dự án (*chi tiết theo phụ lục 3*).

Sau khi xem xét thấy rằng: Các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất tại các phụ lục kèm theo cơ bản đảm bảo, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh thông qua. Đồng thời, có ý kiến như sau:

+ Trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà xét, đánh giá các dự án tại phụ lục 3 không có khả năng triển khai trong kế hoạch năm 2025 để điều chỉnh, hoặc hủy bỏ; loại bớt số lượng dự án treo trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, tránh lãng phí nguồn lực đất đai.

+ Qua khảo sát thấy có một số dự án đã tác động, triển khai trên thực địa¹³. Do đó, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cấp chính quyền địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn; có biện pháp khắc phục tình trạng sử dụng đất sai mục đích khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

+ Luật Đất đai năm 2024 có nhiều điểm mới, vì vậy, đề nghị UBND tỉnh tích cực chỉ đạo, tăng cường phổ biến pháp luật về đất đai năm 2024 cho các đơn vị, địa phương, các tổ chức cá nhân, người dân và doanh nghiệp, nhà đầu tư để nâng cao nhận thức trong quá trình quản lý, sử dụng đất đai; thực hiện quyền về chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

+ Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo cơ quan tham mưu và UBND các huyện, thành phố, thị xã tích cực hơn nữa trong việc phối hợp thực hiện xem xét, đánh giá điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố công khai việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất hoặc hủy bỏ việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhưng sau 02 năm liên tục chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tránh lãng phí nguồn lực đất đai, đảm bảo quyền của người sử dụng đất không bị hạn chế.

¹³ Dự án Trường trung cấp nghề Bình Minh Quảng Bình - Cơ sở 2 (đợt 2) tại xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch; Dự án Xây dựng trang trại tổng hợp ứng dụng công nghệ cao tại xã Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn.

+ Đề nghị UBND các huyện, thị xã, Thành phố quan tâm hơn nữa trong việc quản lý đất đai, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ địa chính, nâng cao chất lượng công tác lập và thẩm định kế hoạch sử dụng đất hàng năm, đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện.

XXI. . Thẩm tra dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 2314/TTr-UBND ngày 03/12/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết về phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; căn cứ Luật Lâm nghiệp 2017, Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách đã chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Tại Điều 248 Luật Đất đai 2024 về sửa đổi bổ sung Điều 20 Luật Lâm nghiệp 2017 quy định “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trừ trường hợp thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ... theo quy định của Luật Đầu tư, Luật đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí*”.

Để đảm bảo nhu cầu sử dụng đất thực hiện các dự án, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung trình dự thảo Nghị quyết

Tại dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình cho 09 công trình, dự án. Trong đó, có 01 dự án đầu tư công, 04 dự án quốc phòng - an ninh, 04 dự án đầu tư của các doanh nghiệp; tổng diện tích rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 463.032 m² rừng trồng, gồm: 22.444,5 m² rừng phòng hộ, 6.804,6 m² rừng sản xuất và 433.782,9 m² rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng (có nguồn gốc phòng hộ 36.370,1 m²; nguồn gốc sản xuất 397.412,8 m²).

Qua thẩm tra Ban Kinh tế Ngân sách thấy rằng: Các dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại dự thảo Nghị quyết đảm bảo hồ sơ, thủ tục pháp lý theo quy định. Địa điểm thực hiện dự án phù hợp với kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch liên quan trong Quy hoạch tỉnh (như Quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch đất quốc phòng, quy hoạch đô thị,...); đảm bảo các yêu cầu về kinh tế - xã hội, môi trường và quốc phòng, an ninh. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh thông qua như đề nghị của UBND tỉnh.

Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh lưu ý: trong phạm vi các dự án Thao trường huấn luyện của Bộ chỉ huy Quân sự huyện Minh Hóa, thị xã Ba Đồn đang có một số diện tích rừng trồng lâu năm, có một số cây đường kính lớn trên 50 cm. Trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị xem xét, hạn chế chặt hạ số cây rừng này trong quá trình thi công xây dựng nhằm góp phần điều hoà môi trường sinh thái, tạo bóng mát trong quá trình huấn luyện của các đơn vị quân sự.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Dương Văn Hùng

